

DỰ THẢO**Ngày 04.3.2026****THÔNG TƯ**

**Quy định về quản lý, sử dụng và hỗ trợ kinh phí ngân sách nhà nước
lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thi hành
Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa
đổi tại Luật số 78/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công
nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc
gia và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về
quản lý, sử dụng và hỗ trợ kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công
nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thi hành Nghị định số 37/2026/NĐ-
CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và
biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các hoạt
động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản
3 Điều 11, khoản 5 Điều 12, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 63 của Nghị định số

37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bao gồm:

1. Chi thực hiện các hoạt động phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia bao gồm:

a) Xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp nền tảng số, hệ thống giám sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

b) Xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

c) Nâng cao năng lực cho tổ chức đánh giá sự phù hợp công lập, tổ chức công nhận công lập: mua sắm, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao năng lực chuyên môn nguồn nhân lực; nâng cao năng lực kỹ thuật; hoạt động chuyển đổi số; hoạt động hợp tác, thừa nhận quốc tế bao gồm tham gia các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MLA/MRA) theo các cam kết quốc tế của Việt Nam và nội dung khác liên quan.

2. Hỗ trợ tài chính đối với tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia thông qua các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về năng suất, chất lượng.

3. Hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng quy định tại khoản 4 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15.

4. Hỗ trợ tài chính một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực theo quy định tại khoản 5 Điều 6c Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15.

5. Chi tổ chức hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia: hoạt động của Hội đồng quốc gia về Giải thưởng chất lượng quốc gia; xem xét, đánh giá trên hồ sơ và đánh giá thực tế tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia của hội đồng giải thưởng và chuyên gia đánh giá; họp báo công bố kết quả trao giải; tổ chức lễ trao giải; thông tin, tuyên truyền; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho tổ chức, doanh nghiệp tham gia, thành viên hội đồng giải thưởng, chuyên gia đánh giá, xây dựng và duy trì hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu và các hoạt động khác liên quan trực tiếp đến công tác triển khai hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia.

6. Chi thực hiện hoạt động lấy mẫu, thử nghiệm, giám định, phục vụ khảo sát chất lượng, kiểm tra chất lượng và giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Chi hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

8. Các nội dung chi khác cho các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí cho các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung chi và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí phải gắn với hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước, thúc đẩy hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Kinh phí hoạt động thực hiện dưới hình thức nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quản lý, sử dụng theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định tại Thông tư này.

4. Các định mức chi kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa. Căn cứ định mức chi tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định mức chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân

dân cùng cấp quyết định bổ sung nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện tại địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

5. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư công và quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP).

6. Các nội dung chi và định mức chi khác liên quan trực tiếp đến các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa chưa quy định cụ thể tại Thông tư này được thực hiện theo các quy định về nội dung chi, định mức chi tại các văn bản pháp luật hiện hành của nhà nước có cùng tính chất nội dung công việc chuyên môn. Thủ trưởng chủ trì hoạt động về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa chủ động xác định nội dung và định mức chi để áp dụng và chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

7. Khuyến khích huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác cho các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ngân sách nhà nước giữ vai trò định hướng, không làm thay đổi mục tiêu, nội dung và tính chất của các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP, trong đó:

1. Kinh phí ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa bao gồm chi đầu tư và chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, gồm:

a) Nguồn đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài.

b) Nguồn vốn từ chương trình, dự án hợp tác quốc tế, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

c) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động và sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác phải bảo đảm không làm thay đổi mục tiêu, nội dung, tính chất của các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CHI

Điều 5. Nội dung chi phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia

1. Chi xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp nền tảng số để quản lý hạ tầng chất lượng quốc gia, bao gồm:

a) Chi xây dựng, nâng cấp, duy trì, thuê hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác nền tảng số;

b) Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực công chức, viên chức và người lao động được phân công thực hiện quản lý, vận hành nền tảng số;

c) Chi điều tra, khảo sát, thu thập, tiếp nhận, chia sẻ thông tin, dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

d) Chi xử lý, cập nhật, số hóa, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu trên nền tảng số;

đ) Chi quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

e) Chi bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin cho nền tảng số;

g) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác thu thập thông tin, cập nhật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

2. Chi xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

Nội dung chi cho xây dựng, duy trì, vận hành, nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực hiện theo quy định tại Thông tư số.../TT-BKHCN ngày.../.../2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

3. Chi nâng cao năng lực cho tổ chức công nhận công lập

a) Chi đóng niên liên tham gia các tổ chức quốc tế;

b) Chi tham gia đánh giá chéo (gồm đánh giá định kỳ và đánh giá mở rộng) bao gồm: công tác phí; thuê phòng họp, trang thiết bị phòng họp; chi ăn, ở, tiếp khách; mua quà tặng; dịch thuật/phiên dịch; văn phòng phẩm; thù lao chuyên gia trong nước hỗ trợ đoàn;

c) Chi nghiên cứu, triển khai chương trình công nhận mới, bao gồm: khảo sát, đánh giá nhu cầu công nhận; xây dựng, hoàn thiện tài liệu triển khai chương trình công nhận; đào tạo chuyên gia đánh giá trưởng, chuyên gia đánh giá chất lượng cho chương trình mới; đào tạo chuyên gia kỹ thuật; họp Ban kỹ thuật; xây dựng bài giảng đào tạo chuyên gia, đào tạo khách hàng; đánh giá áp dụng chương trình công nhận;

d) Chi tham gia vào đội ngũ chuyên gia đánh giá đồng đẳng cho tổ chức

quốc tế, bao gồm: công tác phí cho chuyên gia tham gia khóa đào tạo ban đầu, đào tạo định kỳ, cập nhật chuyên môn và tham gia các đoàn đánh giá;

e) Chi đào tạo, duy trì, cập nhật chuyên môn cho chuyên gia đánh giá, bao gồm: công tác phí, tài liệu học tập, phí tham dự các khóa đào tạo (nếu có);

f) Chi công tác phí tham gia hội nghị, hội thảo định kỳ của các tổ chức công nhận khu vực, quốc tế và các tổ chức khoa học liên quan đến lĩnh vực công nhận;

g) Chi hợp tác quốc tế, trao đổi chuyên gia, khảo sát học tập với các tổ chức công nhận khu vực và quốc tế, bao gồm: công tác phí; thuê dịch thuật/phiên dịch;

h) Chi thuê, mua sắm, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, phần mềm phục vụ hoạt động công nhận;

g) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến nâng cao năng lực cho tổ chức công nhận công lập.

4. Chi nâng cao năng lực cho tổ chức đánh giá sự phù hợp công lập

a) Chi phát triển hệ thống tổ chức chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng các quy định trong các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, bao gồm:

a1) Chi nâng cao năng lực đánh giá sự phù hợp đáp ứng các quy định trong các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực bao gồm: thuê chuyên gia tư vấn trong nước và ngoài nước hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực (thủ lao ngày công chuyên gia; chi phí đi lại, chi phí biên soạn, chỉnh sửa tài liệu; chi phí phiên dịch...); xây dựng, rà soát, cập nhật hệ thống tài liệu, quy trình nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia kỹ thuật, đánh giá viên, nhân sự liên quan đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực;

a2) Chi đầu tư, nâng cấp điều kiện kỹ thuật phục vụ hoạt động đánh giá sự phù hợp đáp ứng các quy định trong các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực bao gồm: mua sắm, nghiên cứu, chế tạo, nâng cấp trang thiết bị, phần mềm phục vụ hoạt động đánh giá sự phù hợp; cải tạo, nâng cấp phòng thử nghiệm, khu vực làm việc, điều kiện môi trường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn; thuê dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho hoạt động đánh giá sự phù hợp;

a3) Chi phục vụ hoạt động công nhận ban đầu và mở rộng hoạt động công nhận, bao gồm: công xây dựng hồ sơ đăng ký công nhận; dịch hồ sơ đăng ký công nhận sang tiếng nước ngoài (ngôn ngữ của tổ chức công nhận yêu cầu); phí đăng ký công nhận lần đầu; công đánh giá tài liệu của chuyên gia công nhận; công đánh giá tại văn phòng của chuyên gia công nhận; công đánh giá chứng kiến của chuyên gia công nhận; công tác phí của chuyên gia công nhận; công thẩm tra hành động khắc phục sau đánh giá của chuyên gia công nhận; dịch thuật/phiên dịch (nếu có);

a4) Chi phục vụ hoạt động hội nhập quốc tế, bao gồm: đón tiếp, làm việc với đoàn đánh giá công nhận trong nước và quốc tế; tham gia hoạt động hội nghị, hội thảo, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp.

b) Chi nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nguồn nhân lực đánh giá sự phù hợp, bao gồm:

b1) Chi tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài cho đội ngũ chuyên gia đáp ứng yêu cầu tại các chương trình đánh giá sự phù hợp để được công nhận, thừa nhận quốc tế, bao gồm: công tác phí; in ấn, dịch tài liệu học tập; phí tham dự các lớp đào tạo, tập huấn (theo yêu cầu của tổ chức tổ chức đào tạo trong nước và ngoài nước);

b2) Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về đánh giá sự phù hợp, bao gồm: tiền công giảng viên, báo cáo viên; công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên, học viên; biên soạn, in ấn, mua tài liệu đào tạo, tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc tế; thuê phòng học, trang thiết bị, phần mềm phục vụ đào tạo, tập huấn; chi nước uống;

c) Chi xây dựng, hoàn thiện tài liệu, xây dựng các quy trình thủ tục chứng nhận theo yêu cầu của tiêu chuẩn công nhận tương ứng, bao gồm: nghiên cứu, thu thập và dịch tài liệu, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, khu vực, nước ngoài; xây dựng dự thảo tài liệu, hệ thống quản lý đánh giá sự phù hợp;

d) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến nâng cao năng lực cho tổ chức đánh giá sự phù hợp công lập.

Điều 6. Nội dung chi cho hoạt động khảo sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định, phục vụ khảo sát, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng.

a) Chi mua mẫu: Kinh phí để cơ quan kiểm tra, khảo sát trực tiếp mua sản phẩm, hàng hóa trên thị trường nhằm mục đích thử nghiệm hoặc giám định, chất lượng;

b) Chi mua vật tư, dụng cụ lấy mẫu, đựng mẫu, niêm phong mẫu: Bao gồm tiền mua các vật tư, dụng cụ trực tiếp phục vụ hoạt động lấy mẫu, bao bì đựng mẫu theo yêu cầu chuyên môn kỹ thuật, chi phí mua vật tư phục vụ niêm phong mẫu (tem niêm phong, túi đựng chuyên dụng);

c) Chi thuê lấy mẫu: Lấy mẫu theo đúng quy trình, phương pháp lấy mẫu quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy định của pháp luật có liên quan; phân loại, lựa chọn mẫu, chia mẫu theo yêu cầu chuyên môn kỹ thuật; niêm phong, dán nhãn, ghi mã mẫu, lập biên bản lấy mẫu và thực hiện bàn giao mẫu cho Đoàn kiểm tra, Đoàn khảo sát;

d) Chi phí bốc dỡ, vận chuyển và bảo quản mẫu: Bao gồm tiền thuê bốc dỡ phục vụ công tác lấy mẫu, thuê phương tiện vận chuyển mẫu (việc thuê bốc dỡ, vận chuyển chỉ áp dụng đối với hàng hoá công kênh, có trọng lượng và thể tích lớn hoặc hàng hoá có nguy cơ cháy nổ, có độ mất an toàn cao như xăng dầu, hóa chất độc hại, ...) và chi thuê kho, bãi, địa điểm hoặc điều kiện bảo quản đặc thù đối với mẫu cần bảo quản theo quy định kỹ thuật ;

đ) Chi phí thử nghiệm, giám định: tiền thanh toán dịch vụ cho các tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định để thực hiện thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn công bố áp dụng;

e) Chi phí thử nghiệm lại: Trong trường hợp có khiếu nại về kết quả thử nghiệm mà cơ quan nhà nước cần thực hiện thử nghiệm đối chứng để giải quyết khiếu nại, tố cáo;

g) Chi xử lý, tiêu hủy mẫu sau thử nghiệm, giám định;

h) Chi duy trì, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị phục vụ lấy mẫu, đo nhanh tại hiện trường trong khảo sát và kiểm tra.

2. Chi hoạt động của Đoàn khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa

a) Chi xây dựng phương án khảo sát: phương án khảo sát đáp ứng các nội dung cốt lõi, bao gồm mục tiêu, phạm vi khảo sát, đối tượng khảo sát, tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng, phương pháp lấy mẫu, kế hoạch lấy mẫu, kế hoạch xử lý kết quả khảo sát; phương án cần đảm bảo tính chính xác, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật;

b) Chi tiền công xử lý kết quả khảo sát;

c) Chi xây dựng báo cáo khảo sát: báo cáo kết quả khảo sát phải đảm bảo thể hiện được quá trình thực hiện khảo sát, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát, đưa ra cảnh báo, đề xuất, kiến nghị;

d) Chi công tác phí: bao gồm phí đi lại, phụ cấp lưu trú và tiền phòng nghỉ cho các thành viên của Đoàn khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

đ) Chi thù lao cho chuyên gia kỹ thuật: tiền công thuê chuyên gia am hiểu chuyên ngành về lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa tham gia hỗ trợ Đoàn khảo sát trong quá trình xem xét hồ sơ và đánh giá thực tế, xây dựng kế hoạch khảo sát, lập báo cáo kết quả khảo sát;

e) Chi hội nghị, cuộc họp: Chi phí tổ chức các cuộc họp, thảo luận của Đoàn khảo sát để thông qua kế hoạch khảo sát, kết quả khảo sát;

g) Chi hoạt động truyền tuyên, cảnh báo sau khảo sát;

h) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc và các chi phí cần thiết khác phục vụ trực tiếp hoạt động của Đoàn khảo sát.

3. Chi mua sắm, nâng cấp trang thiết bị thử nghiệm, giám định phục vụ vụ khảo sát, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng.

4. Chi đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia công tác lấy mẫu phục vụ khảo sát.

5. Chi phí khác liên quan trực tiếp đến hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo yêu cầu chuyên môn kỹ thuật, không bao gồm các

khoản chi thuộc kinh phí quản lý nhà nước, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Nội dung chi thực hiện hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia

1. Chi cho hoạt động của Hội đồng quốc gia về Giải thưởng chất lượng quốc gia (gọi tắt là Hội đồng quốc gia)

a) Chi thù lao tham dự các cuộc họp của Hội đồng quốc gia để xem xét, thông qua danh sách sản phẩm, hàng hóa được đánh giá thực tế; xem xét, thẩm định kết quả đánh giá xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia; thông qua danh sách các sản phẩm, hàng hóa đủ điều kiện đề nghị tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia; tổng kết hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia hàng năm;

b) Chi công tác phí cho thành viên Hội đồng quốc gia trong trường hợp tham gia đánh giá thực tế;

c) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quốc gia: thuê máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ cuộc họp; văn phòng phẩm, tài liệu phục vụ cuộc họp; giải khát giữa giờ và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến tổ chức cuộc họp.

2. Chi cho hoạt động đánh giá hồ sơ và đánh giá thực tế

a) Chi tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia trước khi chuyển hồ sơ cho nhóm chuyên gia đánh giá.

b) Thù lao chuyên gia đánh giá hồ sơ tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia;

c) Chi thù lao chuyên gia đánh giá thực tế;

d) Chi công tác phí cho các thành viên đoàn đánh giá thực tế;

đ) Chi thù lao tham dự các cuộc họp nhóm chuyên gia để thảo luận, thống nhất kết quả đánh giá hồ sơ và đánh giá thực tế;

e) Chi lập báo cáo đánh giá hồ sơ, báo cáo đánh giá thực tế gửi Cơ quan thường trực Giải thưởng chất lượng quốc gia;

3. Chi hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Khoa học và công nghệ xem xét, quyết định tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia: gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; tổng hợp ý kiến; lập báo cáo, hồ sơ trình Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức

a) Chi tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho tổ chức, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia, bao gồm: tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; công tác phí cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; giải khát giữa giờ; thuê địa điểm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; thuê thiết bị phục vụ

tập huấn, bồi dưỡng; văn phòng phẩm, tài liệu; chi phí khác phục vụ trực tiếp tập huấn, bồi dưỡng;

b) Chi tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho thành viên Hội đồng quốc gia và chuyên gia đánh giá, bao gồm: tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; công tác phí cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên; công tác phí cho Thành viên Hội đồng quốc gia, chuyên gia đánh giá; giải khát giữa giờ; thuê địa điểm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng; thuê thiết bị phục vụ tập huấn, bồi dưỡng; văn phòng phẩm, tài liệu; chi phí khác phục vụ trực tiếp tập huấn, bồi dưỡng.

c) Chi xây dựng tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; chi xây dựng tài liệu nghiệp vụ về giải thưởng chất lượng quốc gia cho chuyên gia đánh giá

5. Chi tổ chức lễ trao giải và thông tin, tuyên truyền

a) Chi tổ chức họp báo công bố kết quả xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia: xây dựng tài liệu họp báo (nội dung kịch bản, báo cáo tổng hợp chung, thông cáo báo chí); thuê, trang trí địa điểm tổ chức họp báo; máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ họp báo; thù lao chủ trì họp báo, phóng viên, biên tập viên cơ quan báo chí, đại biểu tham dự họp báo; chi chụp ảnh, truyền thông, đưa tin, bài viết về buổi họp báo, về kết quả hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Chi tổ chức lễ trao Giải thưởng chất lượng quốc gia cho các tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa đạt giải, bao gồm: xây dựng kịch bản lễ trao giải, thuê địa điểm tổ chức lễ trao giải, thiết kế, thi công, trang trí, khánh tiết, âm thanh, ánh sáng, phát thanh, truyền hình trực tiếp, các điều kiện kỹ thuật phục vụ buổi lễ và các nội dung khác phục vụ trực tiếp cho lễ trao giải;

c) Chi sản xuất hiện vật khen thưởng: chi phí chế tác, sản xuất Cúp, biểu trưng, in Giấy chứng nhận danh hiệu cho các tổ chức, doanh nghiệp đạt giải;

d) Chi thông tin, tuyên truyền

d1) Chi tổ chức phát động hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia hàng năm: tổ chức hoạt động tuyên truyền, phát động, vận động doanh nghiệp tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia;

d2) Tuyên truyền, phổ biến, đưa tin về lễ trao Giải thưởng chất lượng quốc gia, về Giải thưởng chất lượng quốc gia và tổ chức, doanh nghiệp đạt giải trên các phương tiện thông tin đại chúng như Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, các cơ quan báo chí khác và nền tảng số;

d3) Chi phí đăng tin, bài viết, thực hiện các phóng sự chuyên đề trên các kênh truyền hình quốc gia (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và các cơ quan báo chí ở trung ương, địa phương để giới thiệu về thành tựu chất lượng của doanh nghiệp đạt giải;

d4) Chi sản xuất các video, phóng sự về hoạt động Giải thưởng chất lượng

quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp đạt giải;

đ) Chi thông báo kết quả xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia cho các tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa đạt giải và các cơ quan, tổ chức liên quan sau khi Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có quyết định tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia.

e) Các nội dung chi cho hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia khác, như: chi văn phòng phẩm, thông tin, liên lạc,...

6. Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Giải thưởng chất lượng quốc gia

a) Chi khảo sát, phân tích yêu cầu nghiệp vụ, xây dựng kiến trúc tổng thể, thiết kế kỹ thuật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, tổ chức triển khai Giải thưởng chất lượng quốc gia;

b) Chi xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia; quản lý quy trình đánh giá hồ sơ, đánh giá tại chỗ; quản lý kết quả đánh giá và trao giải;

c) Chi xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa, số hóa và lưu trữ dữ liệu về tổ chức, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia; dữ liệu về Hội đồng Giải thưởng, chuyên gia đánh giá; dữ liệu kết quả đánh giá, xếp hạng và trao giải;

d) Chi duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;

đ) Chi kết nối, chia sẻ dữ liệu của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Giải thưởng chất lượng quốc gia với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan của Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Chi đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Giải thưởng chất lượng quốc gia;

g) Chi thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ kỹ thuật khác phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;

h) Các khoản chi cần thiết khác liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Giải thưởng chất lượng quốc gia.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC CHI

Điều 8. Định mức chi cho các nội dung đặc thù cho phát triển hạ tầng

chất lượng quốc gia

1. Định mức chi nâng cao năng lực cho tổ chức công nhận công lập
 - a) Chi đóng niêm liễm: thực hiện theo thông báo/biểu phí của các tổ chức quốc tế;
 - b) Chi tham gia đánh giá chéo:
 - b1) Công tác phí cho đoàn chuyên gia: vé máy bay quốc tế/nội địa thanh toán theo thực tế phát sinh; chi phí ăn, ở, đi lại, tiếp khách phục vụ đoàn chuyên gia đánh giá thực hiện theo quy định hiện hành;
 - b2) Chi thuê phòng họp, trang thiết bị phòng họp: thực hiện theo báo giá của tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ;
 - b3) Chi thù lao chuyên gia trong nước hỗ trợ đoàn đánh giá chéo: 1.500.000 đồng/ngày/người;
 - b4) Chi in ấn, sao chụp tài liệu, vật tư văn phòng, đường truyền, bảo mật: theo thực tế phát sinh;
 - c) Chi nghiên cứu, triển khai chương trình công nhận mới
 - c1) Chi xây dựng, hoàn thiện tài liệu triển khai chương trình công nhận mới: thực hiện trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - c2) Chi họp Ban Kỹ thuật thường niên và chương trình công nhận mới:

Trưởng ban Ban Kỹ thuật: 1.500.000 đồng/cuộc họp;

Thành viên Ban Kỹ thuật: 1.000.000 đồng/người/cuộc họp;

Thư ký Ban Kỹ thuật: 500.000 đồng/cuộc họp;

Đại biểu được mời tham dự: 200.000 đồng/người/cuộc họp;
 - c3) Phí xem xét tài liệu đánh giá: 1.000.000 đồng/người;
 - d) Phí tham dự các khóa đào tạo: thực hiện theo thông báo của các tổ chức đào tạo;
 - đ) Thuê chuyên gia khu vực và quốc tế: thực hiện theo báo giá của tổ chức nước ngoài hoặc theo thỏa thuận giữa tổ chức công nhận công lập và chuyên gia. Người đứng đầu tổ chức quyết định, bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn kinh phí được phê duyệt;
 - e) Chi thuê, mua sắm, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, phần mềm phục vụ hoạt động công nhận: thực hiện trên cơ sở thuyết minh khối lượng, số lượng công việc và báo giá thị trường;
2. Chi phát triển hệ thống tổ chức chức đánh giá sự phù hợp đạt chuẩn quốc tế
 - a) Thù lao xây dựng hệ thống tài liệu: 1.000.000 đồng/ngày. Việc xác

định tổng ngày công căn cứ theo số mức độ phức tạp của tài liệu, do người đứng đầu đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được duyệt;

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước và ngoài nước: áp dụng theo quy định hiện hành;

c) Chi tham gia đào tạo chuyên gia đánh giá: theo báo giá của đơn vị đào tạo.

d) Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về đánh giá sự phù hợp: áp dụng theo các quy định hiện hành

e) Chi mua sắm, nâng cấp trang thiết bị thử nghiệm, đo lường, giám định phục vụ hoạt động đánh giá sự phù hợp; chi cải tạo, nâng cấp phòng thử nghiệm, khu vực làm việc, điều kiện môi trường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn quốc tế: theo quy định hiện hành và theo báo giá của đơn vị cung cấp

f) Chi phục vụ hoạt động công nhận ban đầu và mở rộng hoạt động công nhận: theo báo giá của tổ chức công nhận;

g) Chi phí tham gia, duy trì tư cách thành viên các tổ chức công nhận, thừa nhận quốc tế, khu vực: theo quy định của các tổ chức quốc tế;

h) Chi đón tiếp, làm việc với đoàn đánh giá công nhận trong nước và quốc tế; chi tham gia hoạt động hội nghị, hội thảo, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp: áp dụng theo các quy định hiện hành

3. Định mức thù lao giảng viên, báo cáo viên nước ngoài: tùy theo mức độ cần thiết, đơn vị quyết định việc mời giảng viên, báo cáo viên nước ngoài. Mức tiền công đối với giảng viên, báo cáo viên nước ngoài do người đứng đầu đơn vị quyết định trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên và bảo đảm phù hợp với khả năng nguồn kinh phí ngân sách được duyệt.

4. Đối với các nội dung chi bằng ngoại tệ (niêm liễm, phí đánh giá, thù lao chuyên gia nước ngoài...), đơn vị căn cứ vào các thông báo, biểu phí của các tổ chức quốc tế hoặc các thỏa thuận quốc tế có liên quan để xây dựng dự toán theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm lập dự toán. Khi quyết toán, xác định theo tỷ giá thực tế tại thời điểm thanh toán. Phần chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định về tài chính hiện hành.

5. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ có yêu cầu đặc thù, phức tạp, liên quan đến đánh giá, đào tạo, hợp tác quốc tế, người đứng đầu cơ quan, đơn vị được quyết định mức chi cụ thể trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 9. Định mức chi các nội dung đặc thù trong hoạt động khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Chi phí lấy mẫu, thử nghiệm, giám định, phục vụ khảo sát, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư được thanh toán theo thực tế phát sinh, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy

định, bao gồm:

a) Chi mua mẫu: Thanh toán theo thực tế phát sinh, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định.

Việc xác định kinh phí mua mẫu sản phẩm, hàng hoá thực hiện theo nguyên tắc:

a1) Đối với các sản phẩm, hàng hoá đã lưu thông trên thị trường Việt Nam thực hiện thanh toán theo giá thị trường;

a2) Đối với các sản phẩm, hàng hoá chưa lưu thông trên thị trường thực hiện thanh toán theo mức giá thành xuất xưởng (đối với sản phẩm sản xuất trong nước) hoặc giá nhập khẩu cộng với các loại phí, thuế có liên quan đối với hàng hóa nhập khẩu;

a3) Đối với mẫu sản phẩm, hàng hóa được mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân thực hiện thanh toán theo giá mua thực tế, bảo đảm phù hợp với tính chất, mục đích của hoạt động lấy mẫu.

b) Chi mua dụng cụ lấy mẫu, đựng mẫu

Thanh toán theo thực tế phát sinh đối với vật tư, dụng cụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động lấy mẫu, đựng mẫu. Chỉ áp dụng đối với vật tư, dụng cụ tiêu hao hoặc chuyên dùng theo yêu cầu kỹ thuật, không bao gồm trang thiết bị, tài sản.

c) Chi bốc dỡ, vận chuyển và bảo quản mẫu

c1) Chi thuê bốc dỡ, vận chuyển mẫu: đối với các trường hợp thuê bốc dỡ, vận chuyển thanh toán theo hợp đồng với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp không ký hợp đồng dịch vụ được thanh toán theo khối lượng công việc thực tế hoặc ngày công thực tế. Mức chi tối đa không vượt quá mức chi thuê lao động phổ thông hoặc giá dịch vụ vận chuyển trên địa bàn do cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc theo mặt bằng giá thị trường.

c2) Chi mua vật tư niêm phong, bảo quản mẫu: thanh toán theo thực tế phát sinh.

c3) Chi phí gửi kho, bảo quản mẫu trong điều kiện đặc biệt: thanh toán theo thực tế phát sinh, có đầy đủ hóa đơn của đơn vị cung cấp dịch vụ bảo quản.

d) Chi thuê lấy mẫu:

Định mức chi thuê lấy mẫu tối đa 200.000 đồng/mẫu. Trường hợp lấy mẫu trong điều kiện đặc thù, khó khăn, phức tạp, môi trường độc hại, định mức chi thuê lấy mẫu tối đa 1.500.000 đồng/mẫu.

đ) Chi phí thử nghiệm, giám định: Theo báo giá dịch vụ thử nghiệm, giám định, tổ chức; đơn vị thực hiện, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thanh toán theo quy định.

Trường hợp Nhà nước ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoặc đơn giá dịch vụ thì thực hiện theo quy định đó.

2. Chi phí thử nghiệm lại

Áp dụng tương tự định mức chi phí thử nghiệm, giám định, quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

Chỉ thực hiện thử nghiệm lại khi có yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

3. Chi phục vụ hoạt động khảo sát:

a) Chi xây dựng phương án khảo sát: 20.000.000 đồng/phương án được duyệt;

b) Chi tiền công cho xử lý kết quả khảo sát: tối đa 400.000 đồng/ngày công. Việc xác định tổng ngày công để xử lý kết quả khảo sát căn cứ theo số lượng kết quả khảo sát, mức độ phức tạp của đối tượng khảo sát, do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Chi xây dựng, hoàn thiện báo cáo khảo sát: 30.000.000 đồng/báo cáo.

4. Chi thù lao chuyên gia

Thuê chuyên gia: 1.000.000 đồng/ngày công

Định mức trên chưa bao gồm công tác phí tham gia Đoàn khảo sát.

5. Thù lao tham dự các cuộc họp, thảo luận:

Chủ trì: 500.000 đồng/người/buổi.

Đại biểu tham dự: 300.000 đồng/người/buổi.

Điều 10. Định mức chi các nội dung đặc thù trong hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia

1. Mức chi cho các cá nhân tham gia các cuộc họp

a) Thù lao tham dự các cuộc họp của Hội đồng quốc gia:

Chủ tịch Hội đồng: 2.000.000 đồng/người/buổi.

Phó Chủ tịch Hội đồng: 1.800.000 đồng/người/buổi

Thành viên Hội đồng: 1.500.000 đồng/người/buổi.

Thư ký hành chính: 1.000.000 đồng/người/buổi.

Đại biểu tham dự: 300.000 đồng/người/buổi.

b) Thù lao tham dự họp nhóm chuyên gia:

Chủ trì: 500.000 đồng/người/cuộc họp.

Thành viên tham dự: 400.000 đồng/người/cuộc họp.

c) Thù lao tham dự họp báo công bố kết quả xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia:

Chủ trì: 1.000.000 đồng/người.

Phóng viên, biên tập viên cơ quan báo chí tham dự: 500.000 đồng/người.

Đại biểu tham dự: 300.000 đồng/người

2. Thù lao chuyên gia:

a) Thù lao chuyên gia đánh giá hồ sơ: 2.000.000 đồng/hồ sơ/chuyên gia;

b) Thù lao chuyên gia đánh giá thực tế: 2.000.000 đồng/tổ chức, doanh nghiệp/chuyên gia;

c) Thù lao lập báo cáo đánh giá hồ sơ, báo cáo đánh giá thực tế: 3.000.000 đồng/báo cáo;

3. Chi tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia: 200.000 đồng/hồ sơ.

4. Tổng hợp ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, lập báo cáo, hồ sơ trình Bộ Khoa học và Công nghệ: 10.000.000 đồng/hồ sơ trình.

5. Chi xây dựng tài liệu họp báo: nội dung kịch bản họp báo, báo cáo tổng hợp về giải thưởng, thông cáo báo chí: 15.000.000 đồng/bộ tài liệu.

Chi xây dựng kịch bản lễ trao giải: 15.000.000 đồng/kịch bản.

6. Định mức chi cho các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 5 Điều 7 Thông tư: chi tổ chức lễ trao Giải thưởng chất lượng quốc gia; chi sản xuất hiện vật khen thưởng; chi thông tin, tuyên truyền, phổ biến, đưa tin về hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia; chi tổ chức họp báo (trừ chi đại biểu tham dự); sản xuất video, phóng sự về hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, báo giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

Chi thù lao viết các tin, bài về hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia được đăng tải trên báo giấy, báo điện tử, ấn phẩm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 13/4/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và các quy định liên quan hiện hành.

7. Chi cho xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về Giải thưởng chất lượng quốc gia quy định tại khoản 6 Điều 7 Thông tư này thực hiện theo quy định pháp luật ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và pháp luật khác liên quan;

Điều 11. Định mức chi thực hiện các nội dung công việc có tính phổ biến cho hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Ngoài việc thực hiện theo định mức chi cho những nội dung quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư này, mức chi cho những nội dung chi khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, gồm:

1. Đối với các khoản chi công tác phí đi công tác trong nước; chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, thảo luận, thực hiện theo quy định tại Thông tư

số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính một số.

2. Đối với các khoản chi công tác nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

3. Đối với chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, chi tiếp khách trong nước và quốc tế thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Đối với chi điều tra, khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật chuyên ngành (nếu có); hoặc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Đối với các khoản chi để tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng; chi xây dựng tài liệu đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

6. Đối với chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.

Định mức chi thuê chuyên gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài, đơn vị căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, hiệu quả của việc thuê chuyên gia để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa đơn vị và chuyên gia.

7. Đối với chi nhập thông tin, dữ liệu phục vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

8. Đối với chi quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin, Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế đề in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản pháp luật có liên quan.

9. Đối với chi bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 121/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện công tác ứng cứu sự cố, đảm bảo an toàn thông tin mạng và các văn bản pháp luật có liên quan.

10. Đối với chi văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu, thông tin liên lạc, tài liệu học tập, chi khác được xây dựng trên cơ sở nhu cầu, khối lượng, đơn giá theo mặt bằng giá thị trường tại thời điểm lập dự toán hoặc theo định mức hiện hành (nếu có).

11. Đối với chi xây dựng, nâng cấp, duy trì, thuê hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và chi xây dựng, nâng cấp, thuê hệ thống phần mềm; chi mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và các quy định khác có liên quan.

Chương IV

NỘI DUNG HỖ TRỢ VÀ ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 12. Hỗ trợ tài chính đối với tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia

Việc hỗ trợ tài chính đối với tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia được thực hiện thông qua các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về năng suất, chất lượng.

Điều 13. Hỗ trợ đối với tổ chức, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng

1. Hỗ trợ chi phí áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản và đặc thù theo ngành, lĩnh vực; tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới; hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh.

2. Hỗ trợ chi phí tư vấn, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; hỗ trợ chi phí thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế; hoạt động tư vấn, thử nghiệm và chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế theo hình thức tài trợ không hoàn lại.

Điều 14. Hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực

Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực; hỗ trợ chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Định mức hỗ trợ

1. Nội dung, cách thức thực hiện và định mức hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Thông tư này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 265/2025/NĐ-CP; Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt là Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN).

2. Hỗ trợ tối đa 80% chi phí theo giá trị hợp đồng, ưu tiên doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo nông nghiệp, công nghệ cao đối với nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Chương V

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO HOẠT ĐỘNG CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 16. Căn cứ lập dự toán chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Căn cứ lập dự toán kinh phí

Việc lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo Thông tư này được căn cứ vào các nội dung sau:

a) Nhiệm vụ, kế hoạch về hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Nội dung chi quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và nguyên tắc xác định, áp dụng định mức chi quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Thông tư này;

c) Khối lượng công việc, yêu cầu kỹ thuật và mức độ phức tạp của từng nội dung chi;

d) Khả năng cân đối ngân sách nhà nước, phạm vi dự toán ngân sách được giao và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước theo quy định;

đ) Các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ áp dụng định mức chi

Việc áp dụng định mức chi khi lập dự toán kinh phí được thực hiện theo các căn cứ sau:

a) Định mức chi, chế độ chi tiêu hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ có tính chất tương tự do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Trường hợp một số nội dung chi chưa có định mức chi cụ thể, việc xác định mức chi được thực hiện theo dự toán chi tiết phù hợp với nội dung, tính chất nhiệm vụ và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Trường hợp nhiệm vụ sử dụng đồng thời nhiều nguồn kinh phí, việc áp dụng định mức chi phải phân định rõ nội dung chi theo từng nguồn, không trùng lặp, không làm thay đổi mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Nguyên tắc tổng hợp và trình dự toán

a) Dự toán kinh phí phải được lập đầy đủ, đúng nội dung chi, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ được giao và tiến độ thực hiện;

b) Không lập dự toán cho các nội dung không thuộc phạm vi chi quy định tại Thông tư này hoặc chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Dự toán kinh phí là căn cứ để phân bổ, giao dự toán, kiểm soát chi, thanh toán và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật khác; phù hợp nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí tại Điều 3 Thông tư này.

2. Lập dự toán kinh phí

a) Hằng năm, căn cứ quy định tại của Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo phân cấp ngân sách nhà nước;

b) Dự toán kinh phí phải được lập chi tiết theo từng hoạt động, nội dung chi, gắn với kế hoạch hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được cấp

có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với tiến độ thực hiện;

c) Việc lập dự toán phải bảo đảm không trùng lặp nội dung chi, không trùng lặp nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho cùng một nhiệm vụ; trường hợp nhiệm vụ sử dụng nhiều nguồn kinh phí, phải xác định rõ phạm vi chi của từng nguồn.

3. Tổng hợp và phân bổ dự toán

a) Cơ quan chủ trì quản lý nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Việc phân bổ dự toán kinh phí phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung chi; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước và tiến độ thực hiện nhiệm vụ;

c) Không phân bổ dự toán cho các nhiệm vụ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

4. Giao dự toán kinh phí

a) Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện giao dự toán kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Việc giao dự toán phải xác định rõ hoạt động, nội dung chi, mức kinh phí, thời gian thực hiện và nguồn kinh phí, làm căn cứ để tổ chức thực hiện, kiểm soát chi, thanh toán và quyết toán kinh phí;

c) Trường hợp điều chỉnh tiến độ hoặc nội dung chi trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh dự toán thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 18. Chấp hành dự toán; quản lý, kiểm soát chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

1. Chấp hành dự toán kinh phí

a) Việc chấp hành dự toán kinh phí thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa phải bảo đảm đúng dự toán được giao, đúng mục đích, đúng nội dung chi và trong phạm vi nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không được sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước để chi cho các nội dung ngoài phạm vi hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quy định tại Thông tư này, chưa được phê duyệt hoặc không đúng nguồn kinh phí theo dự toán được giao.

2. Quản lý kinh phí trong quá trình thực hiện

a) Cơ quan, đơn vị được giao dự toán có trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi, hạch toán và sử dụng kinh phí theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan;

b) Trường hợp phát sinh yêu cầu điều chỉnh nội dung chi, tiến độ thực hiện, đơn vị thực hiện phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 19. Quyết toán kinh phí chi ngân sách nhà nước lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Việc quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn.

1. Thanh toán kinh phí

a) Hồ sơ thanh toán kinh phí phải bảo đảm đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, phù hợp với nội dung chi, định mức chi và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước;

b) Không thanh toán đối với các khoản chi không đúng nội dung, không đúng định mức, kết quả không đáp ứng yêu cầu hoặc vượt dự toán được giao.

2. Quyết toán kinh phí

a) Quyết toán kinh phí phải phản ánh đầy đủ, trung thực các khoản chi đã thực hiện, phù hợp với dự toán được giao và hồ sơ thanh toán;

b) Kinh phí không sử dụng hết, sử dụng không đúng quy định hoặc không đủ điều kiện quyết toán phải được xử lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ thanh toán và quyết toán, cũng như việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo đúng quy định;

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đảm

bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng..... năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, TĐC, PC.(05)

BỘ TRƯỞNG